

Số: 631/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiên phong
giai đoạn 2026-2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân trong thời kỳ mới;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiên phong giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi là Chương trình) với những nội dung chính như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mục tiêu của Chương trình

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển đội ngũ doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong khu vực kinh tế tư nhân, có năng suất lao động, năng lực công nghệ cao, khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế, có trách nhiệm xã hội; hình thành các doanh nghiệp nòng cốt trong các ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế; góp phần nâng cao sức cạnh tranh quốc gia, phát triển bền vững và thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phát triển được 1.000 doanh nghiệp tiên phong, trong đó, phần đầu có tối thiểu 15% doanh nghiệp tiên phong do phụ nữ làm chủ, 20 doanh nghiệp lớn tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, tối thiểu 200 doanh nghiệp tiên phong tăng trưởng nhanh, bứt phá vượt trội.

- Các doanh nghiệp tiên phong dành tỷ lệ trung bình tối thiểu 3% doanh thu cho hoạt động R&D; phần đầu mỗi doanh nghiệp tiên phong sở hữu ít nhất một (01) bằng sáng chế hoặc quyền sở hữu công nghiệp hoặc giải pháp hữu ích.

- Các doanh nghiệp tiên phong áp dụng đầy đủ quy trình quản trị tiên tiến và/hoặc các tiêu chuẩn về phát triển bền vững (như ESG, ISO 14001/quản lý môi trường, ISO 45001/quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, ISO 50001/quản lý năng lượng, ISO 26000/trách nhiệm xã hội,...), tiêu chuẩn của ngành, lĩnh vực (như ISO 22000/quản lý an toàn thực phẩm, GMP, HACCP, IFS, BRC, FSSC 22000, GlobalGAP, VietGAP, Organic...).

2. Phạm vi và đối tượng của Chương trình

a) Phạm vi: Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn quốc, trong giai đoạn 2026 - 2030.

b) Đối tượng tham gia Chương trình:

b1) Các doanh nghiệp tiên phong đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 5 Mục I Điều 1 Quyết định này.

b2) Các Bộ, cơ quan ngang bộ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

b3) Các đơn vị thuộc, trực thuộc các tổ chức quy định tại điểm b2 nêu trên.

b4) Các hội, hiệp hội và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Giải thích từ ngữ

a) Cơ quan đầu mối: Là đơn vị được bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, tổ chức thực hiện, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai hoạt động của Chương trình thuộc lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

b) Cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp (gọi tắt là cơ quan hỗ trợ): Là đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ và dự toán kinh phí để triển khai Chương trình. Cơ quan hỗ trợ không được đồng thời là bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp quy định tại điểm đ khoản 3 Mục I Điều 1 Quyết định này.

c) Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân: Là doanh nghiệp được thành lập, tổ chức, hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp nhưng không bao gồm doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 11 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư.

d) Doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong (sau đây gọi chung là doanh nghiệp tiên phong) là doanh nghiệp có năng lực công nghệ, năng suất lao động cao, có hoạt động đổi mới sáng tạo, có khả năng cạnh tranh vượt trội và khả năng dẫn dắt trong một ngành, lĩnh vực của nền kinh tế; tạo sức lan tỏa trong chuỗi giá trị, góp phần nâng cao vị thế quốc gia; tiên phong trong thực hiện trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững.

đ) Bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp: Là các tổ chức thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật; có chức năng, nhiệm vụ và năng lực cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong.

4. Ngành, lĩnh vực được hỗ trợ

Chương trình tập trung hỗ trợ doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực sau:

a) Công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp hỗ trợ; các ngành sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực quốc gia.

b) Nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp tuần hoàn, chế biến sâu nông, lâm, thủy hải sản và thực phẩm.

c) Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghệ cao, sản xuất công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, công nghệ số.

d) Chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững.

5. Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp tiên phong tham gia Chương trình

a) Tiêu chí chung:

Doanh nghiệp tiên phong hoạt động trong các ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 4 Mục I Điều 1 Quyết định này được lựa chọn tham gia Chương trình khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a1) Về pháp lý: Là doanh nghiệp Việt Nam và có thời gian hoạt động tối thiểu 03 năm liên tục; chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật, không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

a2) Về khả năng tăng trưởng: Trong 05 năm gần nhất doanh nghiệp có 02 năm lợi nhuận dương, hoặc doanh nghiệp đã đầu tư xây dựng mới, hoặc mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh, hoặc đầu tư đổi mới công nghệ để tăng năng suất, năng lực sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ.

a3) Về khả năng phát triển sản phẩm: Có sản phẩm đổi mới sáng tạo, hoặc sở hữu công nghệ lõi, hoặc có chứng nhận, giải thưởng quốc gia, quốc tế có uy tín về đổi mới sáng tạo, áp dụng công nghệ cao, đặc thù khác biệt so với thị trường hiện có hoặc có sản phẩm, dịch vụ xuất khẩu hoặc thay thế hàng nhập khẩu, góp phần nâng cao tỷ lệ nội địa hóa.

a4) Về chiến lược phát triển: Có định hướng chiến lược phát triển rõ ràng, cam kết phát triển bền vững, dài hạn; thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội, bảo đảm minh bạch trong quản trị và tuân thủ pháp luật; đang áp dụng một phần hoặc đầy đủ các tiêu chuẩn, quy trình quản trị tiên tiến và/hoặc các tiêu chuẩn về phát triển bền vững và/hoặc tiêu chuẩn phát triển ngành, lĩnh vực.

b) Tiêu chí cụ thể theo từng nhóm ngành, lĩnh vực: Quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

6. Nguyên tắc và phương thức hỗ trợ

a) Hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, không chồng chéo, trùng lặp với các nội dung, chương trình hỗ trợ hiện hành.

b) Doanh nghiệp nộp hồ sơ trước được hỗ trợ trước, ưu tiên các doanh nghiệp tiên phong do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ, sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp kinh doanh bao trùm. Doanh nghiệp được hỗ trợ phải tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật tại thời điểm xét duyệt hồ sơ và trong suốt thời gian thụ hưởng chính sách. Chỉ hỗ trợ các doanh nghiệp cam kết đối ứng nguồn lực thực hiện và triển khai các hoạt động hỗ trợ theo lộ trình cụ thể.

c) Đơn giản tối đa quy trình, thủ tục hỗ trợ cho doanh nghiệp; giấy tờ, thủ tục liên quan đến doanh nghiệp tiên phong được thực hiện trực tuyến, bảo đảm minh bạch, hiệu quả, trừ trường hợp thông tin không được công khai theo quy định pháp luật chuyên ngành. Ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai, quản lý, giám sát thực hiện Chương trình.

d) Tại cùng một thời điểm với cùng một nội dung hỗ trợ, doanh nghiệp tiên phong chỉ được nộp hồ sơ đề xuất hỗ trợ tại một cơ quan, tổ chức hỗ trợ. Trong thời hạn được công nhận là doanh nghiệp tiên phong, doanh nghiệp được hỗ trợ các nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 6 Mục II Điều 1 Quyết định này. Riêng nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 5 Mục II Điều 1 Quyết định này, mỗi doanh nghiệp tiên phong được hỗ trợ tối đa 2 năm liên tiếp với các nội dung không trùng lặp.

đ) Phương thức hỗ trợ: Căn cứ nhiệm vụ được giao và dự toán ngân sách được bố trí trong năm tài chính, cơ quan, tổ chức hỗ trợ lựa chọn thực hiện các hoạt động hỗ trợ tăng cường năng lực cho doanh nghiệp tiên phong thông qua Thẻ hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong hoặc thông qua trực tiếp thực hiện hoặc lựa chọn bên cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Phương thức hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong được quy định chi tiết tại khoản 2 Mục III Điều 1 Quyết định này.

II. NỘI DUNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TIÊN PHONG

1. Hỗ trợ thủ tục đầu tư, hải quan, niêm yết trên thị trường chứng khoán.

a) Doanh nghiệp tiên phong có dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu thương mại tự do và khu chức năng trong khu kinh tế được quyền lựa chọn đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt theo pháp luật về đầu tư.

b) Được áp dụng chế độ luồng 1 (miễn kiểm tra trực tiếp hồ sơ và miễn kiểm tra thực tế hàng hóa) đối với thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật. Cơ quan trung ương và địa phương ưu tiên giải quyết nhanh chóng, thuận lợi các thủ tục hành chính có liên quan cho doanh nghiệp tiên phong.

c) Hỗ trợ chi phí niêm yết lần đầu trên sở giao dịch chứng khoán và phí duy trì niêm yết trong năm đầu tiên kể từ thời điểm niêm yết theo quy định của pháp luật.

2. Hỗ trợ thử nghiệm, kiểm định sản phẩm và đặt hàng, mua sắm các sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp tiên phong.

a) Hỗ trợ chi phí sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, phòng hỗ trợ thiết kế và thiết bị nghiên cứu dùng chung, trung tâm đo lường, thử nghiệm, kiểm định, giám định của Nhà nước để phát triển sản phẩm, dịch vụ.

b) Cơ quan trung ương, địa phương ưu tiên mua sắm, đặt hàng các sản phẩm, dịch vụ thử nghiệm hoặc sản phẩm, dịch vụ mới và có chính sách ưu tiên mua sắm sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp tiên phong phù hợp với nhu cầu của đơn vị.

3. Hỗ trợ tài chính, tín dụng

a) Các ngân hàng thương mại ưu tiên cho vay doanh nghiệp tiên phong dựa trên việc thẩm định phương thức sản xuất kinh doanh, phương án mở rộng thị trường đầu ra, cho vay dựa trên dữ liệu, dòng tiền, chuỗi giá trị, các tài sản bảo đảm như động sản, tài sản vô hình (bằng sáng chế), tài sản hình thành trong tương lai và hình thức cho vay tín chấp. Khuyến khích các ngân hàng thương mại tăng cường mô hình đầu tư kết hợp cho vay để đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp tiên phong.

b) Được ưu tiên nhận tài trợ, vay vốn, đầu tư vốn từ Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đầu tư mạo hiểm quốc gia và địa phương phù hợp với đối tượng, mục tiêu hỗ trợ của các quỹ.

c) Được ưu tiên đầu tư bởi các quỹ đầu tư phát triển địa phương để thực hiện các dự án phát triển sản phẩm chủ lực, trọng điểm của địa phương; dự án công nghệ cao, công nghệ số; dự án chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trên địa bàn.

4. Hỗ trợ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh hiệu quả, tuần hoàn

a) Được áp dụng phương pháp khấu hao nhanh đối với tài sản cố định là máy móc, thiết bị gắn liền với công nghệ được chuyển giao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược theo pháp luật về chuyển giao công nghệ.

b) Hỗ trợ chi phí đăng ký bản quyền, sở hữu trí tuệ trong nước và quốc tế đối với sản phẩm, công nghệ, giải pháp mới.

c) Được ưu tiên tham gia dự án, đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp quốc gia và địa phương phù hợp với định hướng phát triển và năng lực nghiên cứu của doanh nghiệp.

5. Hỗ trợ tăng cường năng lực cho doanh nghiệp tiên phong

a) Nhà nước hỗ trợ cung cấp dịch vụ tư vấn nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp tiên phong. Các nội dung hỗ trợ tư vấn bao gồm:

a1) Chiến lược, hoạch định kế hoạch kinh doanh, quản trị doanh nghiệp: Xây dựng chiến lược kinh doanh, đổi mới kế hoạch kinh doanh, chiến lược mua bán và sáp nhập; các chương trình cổ phiếu ưu đãi cho nhân viên.

a2) Tài chính và vận hành: Tối ưu hoá quy trình nội bộ, tiếp cận tài chính và đầu tư; niêm yết chứng khoán; kiểm toán và quản trị rủi ro.

a3) Phát triển nguồn nhân lực và văn hoá doanh nghiệp: Phát triển khả năng lãnh đạo, xây dựng các chiến lược nhân sự phù hợp với chiến lược doanh nghiệp; phát triển văn hoá doanh nghiệp.

a4) Phát triển sản phẩm và thị trường: Nghiên cứu và khảo sát thị trường mục tiêu; tiếp cận thị trường mục tiêu; các chứng chỉ quốc tế về sản phẩm, thị trường; liên kết thị trường, hỗ trợ phát triển hệ thống phân phối ở nước ngoài và đưa hàng hóa Việt Nam tham gia vào hệ thống phân phối ở nước ngoài.

a5) Công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và chuyển đổi mô hình kinh doanh bền vững.

a6) Các nội dung khác nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh, đổi mới quản trị doanh nghiệp.

b) Doanh nghiệp tiên phong là đối tượng được tham gia Chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành và các chương trình nâng cao năng lực khác của trung ương, địa phương.

6. Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, phát triển thị trường

a) Hỗ trợ tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế nhằm quảng bá sản phẩm ra thị trường nước ngoài, tìm kiếm đối tác quốc tế.

b) Được tham gia Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, Chương trình vươn ra thị trường quốc tế (Go Global), Chương trình Thương hiệu quốc gia phù hợp với tiêu chí các Chương trình.

III. CÔNG BỐ DOANH NGHIỆP TIÊN PHONG VÀ PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ

1. Đề xuất, công bố doanh nghiệp tiên phong

a) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp tiên phong:

- Bộ Tài chính hướng dẫn tiêu chí, biểu mẫu để doanh nghiệp kê khai; quy định thời gian tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và công bố doanh nghiệp tiên phong.

- Doanh nghiệp căn cứ tiêu chí và biểu mẫu, kê khai thông tin và gửi kèm các tài liệu chứng minh (nếu cần) về Sở Tài chính các địa phương.

b) Thẩm định và công bố doanh nghiệp tiên phong:

- Căn cứ hồ sơ doanh nghiệp gửi về, Sở Tài chính các địa phương rà soát, lựa chọn các doanh nghiệp tiên phong. Sở Tài chính có thể thành lập Hội đồng lựa chọn doanh nghiệp tiên phong (nếu cần thiết).

- Sau khi thẩm định, Sở Tài chính các địa phương gửi danh sách các doanh nghiệp tiên phong đáp ứng điều kiện, tiêu chí về Bộ Tài chính để được công bố công khai trên Cổng thông tin doanh nghiệp. Danh sách doanh nghiệp tiên phong được rà soát hằng năm đảm bảo đáp ứng tiêu chí theo quy định.

- Danh hiệu doanh nghiệp tiên phong có giá trị kể từ ngày được công bố trên Cổng thông tin doanh nghiệp và có hiệu lực trong thời gian thực hiện Chương trình. Doanh nghiệp bị gỡ bỏ danh hiệu doanh nghiệp tiên phong trong trường hợp có hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời không được xem xét, công nhận lại trong thời hạn tối thiểu 03 năm.

2. Phương thức hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong

a) Hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong thông qua Thẻ hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong:

a1) Quy định về Thẻ hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong (sau đây viết tắt là Thẻ hỗ trợ):

- Thẻ hỗ trợ do cơ quan hỗ trợ thiết kế, lưu hành và quản lý; có dạng thẻ in hoặc điện tử dạng mã số, mã vạch hoặc mã vạch hai chiều (QR).

- Nội dung trên Thẻ hỗ trợ phải đảm bảo tối thiểu các thông tin sau: Tên, thông tin liên hệ của cơ quan hỗ trợ; giá trị khoản hỗ trợ; nội dung hỗ trợ; thời hạn sử dụng và các nội dung khác (nếu cần).

- Thẻ hỗ trợ có thời hạn sử dụng và giá trị sử dụng, được áp dụng trong khoảng thời gian tối đa 03 năm để hoàn thành các nội dung hỗ trợ. Thẻ hỗ trợ không áp dụng đồng thời với các chương trình hỗ trợ khác từ ngân sách nhà nước.

a2) Sau khi được công nhận là doanh nghiệp tiên phong, doanh nghiệp đăng ký nhu cầu hỗ trợ trên Cổng thông tin doanh nghiệp hoặc Sở Tài chính ở địa phương. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp cấp Thẻ hỗ trợ sau khi rà soát nhu cầu doanh nghiệp và kinh phí được giao theo thẩm quyền.

a3) Doanh nghiệp tiên phong sử dụng Thẻ hỗ trợ để lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ trên Cổng thông tin doanh nghiệp phù hợp với các dịch vụ hỗ trợ và giá trị hỗ trợ ghi trên Thẻ; chi trả phần chi phí chênh lệch (nếu có) cho các bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ. Dịch vụ hỗ trợ quy định tại Thẻ hỗ trợ bao gồm các nội dung quy định tại điểm c khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 4, khoản 5 và điểm a khoản 6 Mục II Điều 1 Quyết định này.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong thông qua hình thức tự thực hiện hoặc đấu thầu lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ: Cơ quan, tổ chức hỗ trợ đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc tự thực hiện hoặc lựa chọn bên cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật đấu thầu để cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

IV. TRUYỀN THÔNG, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

1. Truyền thông và lan tỏa kết quả

a) Xây dựng, tổ chức các chương trình, kế hoạch, chiến dịch truyền thông về Chương trình để lan tỏa và thu hút các doanh nghiệp tham gia.

b) Xây dựng chuyên mục giới thiệu về các câu chuyện thành công, các điển hình tốt, các doanh nghiệp tiên phong tiêu biểu trên các phương tiện thông tin đại chúng, cơ quan báo chí, truyền hình, nền tảng số.

c) Tổ chức diễn đàn doanh nghiệp tiên phong để chia sẻ, nhân rộng, tôn vinh, biểu dương các doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu.

d) Xây dựng, quản lý, vận hành mạng lưới các doanh nghiệp tiên phong để chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, kết nối kinh doanh, truyền cảm hứng, giúp doanh nghiệp đổi mới và phát triển.

đ) Tổ chức tôn vinh, biểu dương các doanh nghiệp tiên phong xuất sắc, các tổ chức có nhiều đóng góp cho Chương trình nhằm lan tỏa tác động của Chương trình.

2. Giám sát, đánh giá chương trình

a) Việc giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình được thực hiện xuyên suốt, bảo đảm khách quan, minh bạch và gắn với kết quả đầu ra. Kết hợp giữa giám sát nội bộ và đánh giá độc lập; giữa đánh giá định lượng và định tính.

b) Thực hiện đánh giá hằng năm, giữa kỳ và cuối kỳ việc triển khai Chương trình trên cơ sở thống nhất quy trình thu thập, quản lý và báo cáo dữ liệu. Kết quả giám sát, đánh giá là căn cứ điều chỉnh nội dung, phương thức, nguồn lực triển khai; lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương); đóng góp của doanh nghiệp; nguồn tài trợ từ các tổ chức quốc tế (nếu có); các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm thi hành

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

- Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong gửi Bộ Tài chính tổng hợp; ưu tiên bố trí, lồng ghép nguồn lực để thực hiện Chương trình; tổ chức thực hiện Chương trình trong phạm vi nguồn lực được giao theo quy định tại Quyết định này và quy định pháp luật liên quan.

- Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Mục IV Điều 1 Quyết định này trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chương trình, gửi Bộ Tài chính tổng hợp chung.

- Phối hợp với cơ quan truyền thông, báo chí truyền thông, lan tỏa các hoạt động, kết quả của Chương trình.

b) Bộ Tài chính:

- Chủ trì hướng dẫn cụ thể cách xác định tiêu chí doanh nghiệp tiên phong; hướng dẫn cơ chế tổ chức thực hiện Chương trình (trong đó nghiên cứu cơ chế, định mức hỗ trợ ưu tiên đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ, sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp kinh doanh bao trùm).

- Chủ trì hướng dẫn xây dựng, tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí ngân sách trung ương cho các bộ, các địa phương chưa cân đối được ngân sách nhà nước để triển khai Chương trình.

- Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong được áp dụng phương pháp khấu hao nhanh đối với tài sản cố định là máy móc, thiết bị gắn liền với công nghệ được chuyển giao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược theo pháp luật về chuyển giao công nghệ; nghiên cứu, hoàn thiện quy định pháp lý về Thẻ hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong.

- Xây dựng tiêu chí đánh giá, lựa chọn các bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong, công bố công khai danh sách các bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong (gồm các đơn vị công lập và tư nhân) tại Cổng thông tin doanh nghiệp có địa chỉ <https://business.gov.vn/> để các cơ quan hỗ trợ và doanh nghiệp trên cả nước tham chiếu sử dụng. Rà soát, cập nhật danh sách bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; đưa ra khỏi danh sách những đơn vị không thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ trong 2 năm liên tiếp liền kề trước đó.

- Xây dựng nền tảng và số hóa việc triển khai, quản lý, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình. Chủ trì thực hiện nhiệm vụ quy định tại Mục IV Điều 1 Quyết định này trên phạm vi toàn quốc; định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình, lồng ghép trong báo cáo kết quả triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW.

c) Bộ Công Thương:

- Thúc đẩy chuyển đổi số hoạt động dịch vụ xuất nhập khẩu. Đẩy mạnh triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến thương mại quốc tế, phát triển thương hiệu, thị trường, phát triển thương mại điện tử xuyên biên giới.

- Đẩy mạnh triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong nắm bắt các quy định, tiêu chuẩn của thị trường, ngành hàng, đặc biệt là các yêu cầu mới liên quan đến môi trường, biến đổi khí hậu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; tư vấn và đánh giá sự phù hợp được quốc tế công nhận, đáp ứng các yêu cầu về phát thải thấp, bền vững chuỗi cung ứng, truy xuất nguồn gốc xuất xứ của các thị trường xuất khẩu.

- Xây dựng hệ thống dự báo, cảnh báo sớm về cung cầu, giá cả và xu hướng thị trường đối với các nhóm sản phẩm do doanh nghiệp tiên phong sản xuất, làm cơ sở hoạch định chính sách hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ; theo dõi, đánh giá thị trường hàng hóa thiết yếu, phục vụ công tác hoạch định chính sách, xây dựng cơ chế điều tiết cung cầu, góp phần bình ổn thị trường.

d) Bộ Khoa học và Công nghệ ưu tiên dành nguồn lực từ nguồn kinh phí khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong thực hiện ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo; ưu tiên cho doanh nghiệp tiên phong tham gia các Chương trình phát triển công nghệ chiến lược, chương trình, đề tài cấp quốc gia về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong từ các Quỹ do Bộ quản lý: Quỹ Phát triển khoa học công nghệ, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Đầu tư mạo hiểm trung ương...

đ) Bộ Xây dựng nâng cấp và đồng bộ hóa hạ tầng dịch vụ logistics, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiên phong trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu sản phẩm, hàng hoá, nguyên nhiên vật liệu.

e) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

- Chỉ đạo các ngân hàng thương mại tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiên phong tiếp cận vốn vay để thực hiện các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, tuần hoàn. Có chính sách khuyến khích ngân hàng thương mại ưu tiên cho vay doanh nghiệp tiên phong dựa trên việc thẩm định phương thức sản xuất kinh doanh, phương án mở rộng thị trường đầu ra, cho vay dựa trên dữ liệu, dòng tiền, chuỗi giá trị, các tài sản bảo đảm như động sản, tài sản vô hình (bằng sáng chế), tài sản hình thành trong tương lai và hình thức cho vay tín chấp.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành có liên quan nghiên cứu xây dựng khung pháp lý về việc đánh giá, định giá tài sản vô hình làm cơ sở cho các ngân hàng thương mại triển khai cho vay dựa trên tài sản vô hình.

g) Các hội, hiệp hội:

- Tuyên truyền, vận động, tham gia, phối hợp triển khai các hoạt động của Chương trình phù hợp với tôn chỉ, mục đích và chức năng của đơn vị; hỗ trợ doanh nghiệp tiên phong theo hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Mục IV Điều 1 Quyết định này trong phạm vi hoạt động của đơn vị; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chương trình và lồng ghép chung trong báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, gửi Bộ Tài chính tổng hợp chung.

h) Doanh nghiệp: Chịu trách nhiệm về các thông tin kê khai về doanh nghiệp, tuân thủ quy định về hỗ trợ khi tham gia Chương trình; bố trí nguồn lực đối ứng khi tham gia Chương trình (đối với các nội dung chính sách nhà nước hỗ trợ một phần); lan tỏa, nhân rộng mô hình; tích cực tham gia các diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức cho các doanh nghiệp khác.

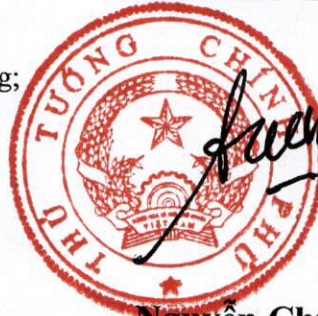
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).⁶¹

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Chí Dũng



Phụ lục
TIÊU CHÍ CỤ THỂ XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP TIÊN PHONG THEO NGÀNH, LĨNH VỰC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 631/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	DN thuộc ngành, lĩnh vực	Tài chính	Năng suất lao động (doanh thu thuần/tổng số lao động)	Về năng lực nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo	Về sản phẩm, giải pháp, mô hình kinh doanh
1	Doanh nghiệp trong các ngành/lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo; công nghiệp hỗ trợ; sản xuất sản phẩm công nghiệp chủ lực quốc gia	Trong 02 năm liên tiếp gần nhất: 1. Doanh thu \geq 200 tỷ đồng; hoặc 2. Tốc độ tăng trưởng bình quân tối thiểu 10%.	1. Tăng trung bình 8 - 12%/năm; 2. Có khả năng chuẩn hóa quy trình, ứng dụng công nghệ/AI để nâng cao hiệu suất hoặc đã áp dụng các phương thức quản lý hiện đại (5S, Lean, Sigma, ISO, ERP, SCM...).	Trong 5 năm gần nhất: Dành tối thiểu trung bình 1% doanh thu/năm đầu tư cho hoạt động R&D; có lộ trình đạt mức tối thiểu 2% trong giai đoạn tiếp theo.	
2	Đối với doanh nghiệp trong ngành/lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp tuần hoàn; chế biến nông, lâm, thủy hải sản và thực phẩm	Trong 02 năm liên tiếp gần nhất: 1. Doanh thu \geq 50 tỷ đồng; hoặc 2. Tốc độ tăng trưởng bình quân tối thiểu 5%.	1. Tăng trung bình 6-8%/năm; 2. Có khả năng chuẩn hóa quy trình, ứng dụng công nghệ/AI để nâng cao hiệu suất hoặc đã áp dụng các phương thức quản lý hiện đại (5S, Lean, Sigma, ISO, ERP, SCM...).	Trong 5 năm gần nhất: Dành tối thiểu trung bình 1% doanh thu/năm đầu tư cho hoạt động R&D; có lộ trình đạt mức tối thiểu 2% trong giai đoạn tiếp theo.	Đang áp dụng và duy trì các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế được công nhận về nông nghiệp, chế biến thực phẩm (GMP, HACCP, ISO 22000, IFS, BRC, FSSC 22000, GlobalGAP, VietGAP, Organic,...).

TT	DN thuộc ngành, lĩnh vực	Tài chính	Năng suất lao động (doanh thu thuần/tổng số lao động)	Về năng lực nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo	Về sản phẩm, giải pháp, mô hình kinh doanh
3	Đối với các doanh nghiệp thuộc ngành/lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghệ cao, sản xuất công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, công nghệ số	Trong 02 năm liên tiếp gần nhất: 1. Doanh thu \geq 200 tỷ đồng; hoặc 2. Tốc độ tăng trưởng bình quân tối thiểu 10%.	1. Tăng trung bình 8 - 12%/năm; 2. Có khả năng chuẩn hóa quy trình, ứng dụng công nghệ/AI để nâng cao hiệu suất hoặc đã áp dụng các phương thức quản lý hiện đại (5S, Lean, Sigma, ISO, ERP, SCM...).	Trong 5 năm gần nhất: 1. Dành tối thiểu trung bình 3% doanh thu/năm đầu tư cho hoạt động R&D; có lộ trình đạt mức tối thiểu 5% trong giai đoạn tiếp theo; 2. Có ít nhất 01 sáng chế hoặc quyền sở hữu công nghiệp hoặc giải pháp hữu ích công nghiệp.	
4	Đối với các doanh nghiệp hoạt động ngành/lĩnh vực chuyên đổi xanh, kinh doanh bền vững	Trong 02 năm liên tiếp gần nhất: 1. Doanh thu \geq 100 tỷ đồng; hoặc 2. Tốc độ tăng trưởng bình quân tối thiểu 8%.	1. Tăng trung bình 6-8%/năm; 2. Có khả năng chuẩn hóa quy trình, ứng dụng công nghệ/AI để nâng cao hiệu suất hoặc đã áp dụng các phương thức quản lý hiện đại (5S, Lean, Sigma, ISO, ERP, SCM...).	Trong 5 năm gần nhất: Dành tối thiểu trung bình 1% doanh thu/năm đầu tư cho hoạt động R&D; có lộ trình đạt mức tối thiểu 2% trong giai đoạn tiếp theo.	Có sản phẩm, giải pháp hoặc mô hình kinh doanh xanh, tiết kiệm năng lượng, chống biến đổi khí hậu, kinh doanh bao trùm, bền vững....